TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2024/DS–ST
Ngày: 09–5–2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Én

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 720/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST–DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST–DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: đường Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức T; Địa chỉ: đường Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2023. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc H; Địa chỉ: Số B đường Quang T, Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Thành N; Địa chỉ: Số C đường Quang T, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có người đại diện hợp pháp ông Trần Đức T trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt Ngân hàng) và ông Trần Quốc H ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/11/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, gọi chung là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng 75.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,4%/tháng. Sau khi được cấp thẻ ông H giao dịch với tổng số tiền 978.498.000 đồng.

Lãi tính trên từng ngày giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau theo Điều 22 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt thẻ ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 916.350.000 đồng, số tiền thanh toán được áp dụng theo thứ tự theo quy định tại Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng:

Các khoản phí, lãi của kỳ trước;

Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;

Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;

Các khoản phí, lãi trong kỳ;

Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;

Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 06/9/2021, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ là 84.697.516 đồng chuyển thành nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại 2,4%x150%= 3,6%/tháng.

Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, làm việc với ông H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông H trả nợ nhưng ông vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn, vi phạm các điều khoản quy định tại hợp đồng đã ký. Ngày 05/5/2022, ông H có làm việc trực tiếp với bên Ngân hàng, ông H có đề nghị cho trả dần do đang thật sự khó khăn, nhưng sau đó vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận G giải quyết: Buộc ông H phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền 183.996.865 đồng tính đến ngày 09/5/2024, trong đó nợ gốc 84.697.516 đồng và lãi quá hạn 99.299.349 đồng. Ông H còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Sao kê chi tiết giao dịch hàng tháng đều được Ngân hàng gửi đến địa chỉ mail, số tiền sử dụng hàng tháng hoặc khi nợ quá hạn Ngân hàng đều thông báo đến số điện thoại 0909.663.390 và mail của ông H đã được ông H đăng ký trong hợp đồng mở thẻ tín dụng. Ngoài ra, Ngân hàng còn thông báo vào mail của bà Trần Thị Minh T là vợ của ông H. Hợp đồng thẻ tín dụng là do chính ông H ký, ông H nhận thẻ, ông H tự ý đưa thẻ cho người khác sử dụng, Ngân hàng không biết và ông H cũng không có thông báo gì cho Ngân hàng, không có sự thỏa thuận ba bên nào. Ngân hàng không biết, không có làm việc, không có thỏa thuận nào với Công ty TNHH Thực phẩm Â, bà N và bà L.

Nhân viên Nguyễn Văn Hiệp đã nghỉ làm, hiện nay ông Hiệp cư trú ở đâu Ngân hàng không biết. Ngân hàng không đồng ý ý kiến của bị đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH Thực phẩm Â, bà N và bà L liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn ông Trần Quốc H và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Hồ Thành N trình bày:

Ông H có làm hợp đồng vay mượn tín chấp thẻ tiêu dùng cá nhân số tiền là 75.000.000 đồng, ông H có ký hợp đồng này.

Bà Nguyễn Trịnh Phước Nguyên; địa chỉ 260A đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, quận G là Giám đốc và bà Lê Thục Linh; địa chỉ 129/5/5 đường Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận G là kế toán trưởng của Công ty TNHH Thực phẩm Â. Bà N đã nhờ nhân viên Ngân hàng làm thủ tục mở thẻ tín dụng cho ông H.

Do bà N yêu cầu ông H góp vốn để thành lập Công ty TNHH Thực phẩm T bằng cách Công ty TNHH Thực phẩm Â đứng ra bảo lãnh cho ông H vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên ông H mới mở thẻ tín dụng. Hàng tháng phía Công ty phải thanh toán các khoản vay mà Công ty đã bảo lãnh cho ông H. Ông H mở thẻ này là thẻ tiêu dùng cá nhân, sau khi nhận thẻ ông H đã đưa cho bà N và bà L và việc thực hiện các giao dịch từ thẻ tín dụng này là do bà N, bà L thực hiện. Việc thanh toán các khoản vay là do phía Công ty TNHH Thực phẩm Â và kế toán trưởng thực hiện. Ông H không biết đến các khoản vay này. Đến mùa dịch Covid 19 thì Công ty TNHH Thực phẩm Â, bà N và bà L không thanh toán. Ông H chỉ biết việc phát sinh nợ vào khoảng tháng 8/2021 vì có một nhóm người đến đòi nợ, trước khi phát sinh nợ Ngân hàng không liên hệ với ông H để ông H xử lý sớm.

Ngày 20/9/2023, ông H nhận được Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 544/2023/QĐST-DS giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông H.

Ông H đề nghị triệu tập nhân viên làm hồ sơ thẻ tín dụng cho ông H là ông Nguyễn Văn Hiệp lên đối chất về vấn đề Công ty TNHH Thực phẩm Â đứng ra bảo lãnh, trả nợ thay cho ông H, ông H không phải trả nợ thẻ tín dụng. Vì ông Hiệp nói rõ là Công ty TNHH Thực phẩm Â bảo lãnh thì Ngân hàng mới cho ông H vay tiền (chỉ nói bằng lời nói ông Hiệp, không có văn bản thể hiện). Trường hợp không triệu tập được ông Hiệp thì đề nghị giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề này cho ông H.

Ông H yêu cầu Công ty TNHH Thực phẩm Â, bà N và bà L liên đới chịu trách nhiệm trả nợ thay cho ông H.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn ông Trần Quốc H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 09/5/2024 là 183.996.865 đồng, trong đó, nợ gốc là 84.697.516 đồng, lãi quá hạn là 99.299.349 đồng. Ông H có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 10/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông N không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn vì nguyên đơn tính lãi quá cao, không đúng quy định. Bị đơn đồng ý trả nợ khi nguyên đơn làm rõ tất cả các khoản tiền. Bị đơn không yêu cầu đưa Công ty TNHH Thực phẩm Â, bà N, bà L vào tham gia tố tụng trong vụ án này, bị đơn sẽ yêu cầu bằng một vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông H có quyền khởi kiện Công ty TNHH Thực phẩm Â, bà N, bà L thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện ông Trần Quốc H phải trả số tiền còn nợ thẻ tín dụng, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín

dụng". Ông H có địa chỉ tại số B đường Quang T, Phường X, quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

[2.2] Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán ngay số tiền nợ tính đến ngày 09/5/2024 là 183.996.865 đồng, trong đó nợ gốc 84.697.516 đồng, lãi quá hạn 99.299.349 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/11/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; cùng lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông H, hạn mức tín dụng là 75.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,4%/tháng.

Ông H cho rằng ông không sử dụng thẻ, ông đưa cho người khác sử dụng, không có liên quan đến hợp đồng tín dụng giữa ông H và Ngân hàng. Tại phiên tòa, ông H không yêu cầu đưa Công ty TNHH Thực phẩm Â, bà Nguyễn Trịnh Phước Nguyên, bà Lê Thục Linh vào tham gia tố tụng trong vụ án này, ông H sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 978.498.000 đồng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên ngày 06/9/2021 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ, toàn bộ dư nợ 84.967.516 đồng chuyển thành nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 3,6%/tháng (2,4%x150%). Tính từ ngày 06/09/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/5/2024, tiền lãi quá hạn là 99.299.349 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H phải thanh toán số nợ 183.996.865 đồng, trong đó nợ gốc 84.697.516 đồng, lãi quá hạn 99.299.349 đồng hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu ông H còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2024 trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.199.843 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 3.957.068 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Trần Quốc H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 183.996.865 (Một trăm tám mươi ba triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc 84.697.516 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm mười sáu) đồng, lãi quá hạn 99.299.349 (Chín mươi chín triệu hai trăm chín mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi chín) đồng, theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/11/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 10/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quốc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.199.843 (Chín triệu một trăm chín mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi ba) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.957.068 (Ba triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi tám) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0012944 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**